

Thủy tổ Thần Nông

Người Việt ta thường tự hào có một nền văn hiến trên 4000 năm và có tổ tiên dòng giống Tiên Rồng và tôn thờ quốc tổ là Hùng Vương thuộc Họ hồng Bàng.

Ngô Sĩ Liên trong Đại Việt Sử ký Ngoại kỷ Toàn thư ghi lại: "Nhâm Tuất, năm thứ 17. Xưa cháu ba đời của Viêm Đế họ Thần Nông là Đế Minh sinh ra Đế Nghi, sau Đế Minh nhân đi tuần phương Nam, đến Ngũ Lĩnh lấy con gái Vụ Tiên, sinh ra vua Kinh Dương Vương (ơng. Vua là bậc thánh trí thông minh, Đế Minh rất yêu quý, muốn cho nối ngôi. Vua cố nhường cho anh, không dám vâng mệnh. Đế Minh mới lập Đế Nghi là con nối ngôi, cai quản phương Bắc, phong cho vua làm Kinh Dương Vương, cai quản phương Nam, gọi là nước Xích Quỷ".

Ông còn viết trong phần lời tựa của Đại Việt Sử ký Toàn thư : "Nước Đại Việt ở phía nam Ngũ Lĩnh, thế là trời đã phân chia giới hạn Nam-Bắc. Thủy tổ của ta là dòng dõi họ Thần Nông , thế là trời sinh chân chúa, có thể cùng với Bắc triều mỗi bên làm đế một phương".

Ghi chép này có thể dựa theo phần Hồng Bàng kỷ trong Lĩnh Nam Chích Quái của Trần Thế Pháp viết vào khoảng thế kỷ XIV đã viết rằng: Đế Minh cháu ba đời họ Viêm đế Thần Nông sinh ra đế Nghi, sau nhân đi tuần về phía Nam đến núi Ngũ Lĩnh lấy được con gái bà Vụ Tiên rồi trở về, sinh ra Lộc Tục...Tục dung mạo đoan chính, thông minh phúc hậu, Đế Minh rất lấy làm lạ, muốn cho nối ngôi mình. Lộc Tục cố từ, xin nhường cho anh là Đế Nghi. Đế Minh liền lập Đế Nghi làm người nối ngôi cai trị đất phương Bắc, phong cho Lộc Tục làm Kinh Dương Vương để cai trị đất phương Nam, lấy hiệu nước là Xích Quỷ.

Theo đó thì Đế Minh sinh Lộc Tục, Lộc Tục sinh Lạc Long Quân, Lạc Long Quân sinh ra Hùng Vương thứ nhất. Lộc Tục là nhân vật không được ghi chép trong sử sách Trung Quốc, có lẽ là một nhân vật huyền thoại của tộc Việt. Dòng dõi của họ Thần Nông chỉ được nhắc đến từ thiên Bồ Tam hoàng bản kỷ do Tư Mã Trinh đời Đường viết, theo đó đời thứ nhất là Viêm Đế, một vị vua trong truyền thuyết thời Thượng cổ của Trung Quốc được xem là một trong các vị tổ của họ.

Theo Vương Thụy Tân, Mạnh Thế Khải viết trong Viêm Đế văn hóa về cuộc hội thảo học thuật được tổ chức tại Trung Quốc vào năm 2004 đã đạt được sự đồng thuận chung rằng Viêm Đế và Thần Nông là một người.

Viêm Đế sinh Đế Khôi; Đế Khôi sinh Đế Thừa; Đế Thừa sinh Đế Minh; Đế Minh sinh Đế Trực (tức Đế Nghi), ngang hàng với Kinh Dương Vương Lộc Tục; Trực sinh Đế Lai, là cha của Âu Cơ. Việc Lộc Tục từ chối ngôi vua phương Bắc để nhường cho anh là Đế Nghi, là muốn nêu lên nước Việt từ ngàn xưa đã là một quốc gia văn hiến, có phong độ Nghiêu Thuấn của ngũ đế bên Tàu.

"Đế Nghi truyền ngôi cho con là Đế Lai. Vì nhớ đến chuyện ông tổ Đế Minh du hành phương Nam gặp tiên nữ, nên Đế Lai nhân khi phương Bắc thiên hạ thái bình bèn sai quần thần là bọn Xi Vưu thay mình trông coi việc nước, rồi đi tuần xuống nước phía Nam đến nước Xích Quỷ".

Ý đoạn này nói là Đế Minh, vua phương Bắc và cả phương Nam, nên mới có chuyện đi tuần đến nước Xích Quỷ. Toàn thư chỉ ghi lại: "Vua [Lạc Long Quân] lấy con gái của Đế Lai là Âu Cơ, sinh ra trăm con trai (tục truyền sinh trăm trứng), là tổ của Bách Việt". Vậy là trong bộ chính sử này của nước ta, phương Nam có vị trí ngang hàng với phương Bắc, và ngoài việc tuần du của Đế Lai, mà còn ngầm nói lên sự hôn nhân giữa hai miền Bắc và Nam. Đế Minh người Bắc cưới vợ người Nam, ngược lại Lạc Long Quân người Nam lại lấy vợ người Bắc. Hai sự kiện này cho thấy rằng Bắc Nam ngang hàng.

Sau đó “*Đế Lai trở về Bắc, lại truyền ngôi cho Đế Du, cùng với Hoàng Đế đánh nhau ở Bản Tuyền không hơn nên tử trận; họ Thần Nông bèn mất.*”

Theo truyền thuyết này thì Viêm Đế Thần Nông (3220 -3080 TCN), còn được gọi là Thần Nông thị (Khôi Ngôi thị, Liên Sơn thị , Liệt Sơn thị ,Tắc thần) được xem là thủy tổ của họ Hồng Bàng ,đã cai quản cả hai vùng Bắc và Nam Đông Á gồm toàn thể nước Tàu và vùng đất Việt cổ.

Thần Nông là một vị thần trong thần thoại được xem là thủy tổ của họ Hồng Bàng trong truyền thuyết của Việt Nam

Theo GS Phan Huy Lê : “Tính chất huyền thoại của tư liệu cùng với trình độ và phương pháp sử học của đương thời không khỏi làm cho các tác giả nửa tin nửa ngờ, vừa khẳng định, vừa băn khoăn, giữ thái độ “truyền tin truyền ngờ” về thời kỳ lịch sử quá xa xưa này. Nhưng rõ ràng đó là một việc làm có ý nghĩa nêu cao lịch sử lâu đời của đất nước, biểu hiện niềm tự tôn dân tộc và đáp ứng yêu cầu nhận thức và tình cảm của một dân tộc đã trưởng thành thời bấy giờ”.

Trong thần thoại Trung Quốc, Thần Nông ngoài việc là ông tổ nông nghiệp, người đã dạy dân trồng ngũ cốc và chế tạo ra cày bằng gỗ, ông tổ nghề gốm sứ và nghề y dược, thì đôi khi ông cũng được coi là tổ tiên hay thủ lĩnh của Xi Vưu và giống như ông này: Thần Nông cũng là người có đầu giống đầu bò, sừng nhọn, trán đồng, đầu sắt, đuôi bọ cạp, chân rết.

Theo sự bổ sung của Tư Mã Trinh vào Sử ký thì Thần Nông là bà con với Hoàng Đế và được coi là ông tổ của người Trung Quốc. Người Hán coi cả hai đều là tổ tiên chung của mình với thành ngữ "Viêm Hoàng tử tôn" (con cháu Viêm Hoàng). Ông chết do nếm phải một loại độc thảo mà không có thuốc chữa, sau một thời gian dài từng nếm rất nhiều các loại độc thảo khác nhau. Ông được thần thánh hóa như là một trong số ba vị vua huyền thoại danh tiếng nhất, gọi là Tam Hoàng.

Sử ký, Tam hoàng bản kỉ, do Tư Mã Trinh thời Đường soạn và chú: “Viêm Đế Thần Nông thị, họ Khương, mẹ là Nữ Đẳng, con gái của Hữu Oa thị, làm vợ của Thiệu Điển. Cảm rồng thân mà sinh ra Viêm Đế, thân người đầu bò, lớn lên ở bên sông Khương, nhân đó đặt làm họ. Là vua của hỏa đức, cho nên gọi là Viêm Đế. Lấy lửa để đặt tên quan coi việc. Đẽo gỗ làm cuốc, chặt gỗ làm cày, làm các đồ cày cuốc để dạy muôn người. Vì dạy trồng trọt, cho nên gọi là Thần Nông thị. Do đó đặt ra lễ tế chạp, lấy roi đỏ để khoa cây cỏ. Bắt đầu nếm trăm loại cỏ, mới có thuốc chữa bệnh. Lại làm đàn sắt có năm dây. Dạy dân vào giữa ngày họp chợ, trao đổi xong thì về, đều đầu vào đấy. Rồi chôn bát quái đơn thành 64 quẻ. Lúc đầu đóng đô ở đất Trần, sau lại trú ở Khúc Phụ. Làm vua một trăm hai mươi năm thì băng, táng ở Trường Sa (nay thuộc Hồ Nam) . Thần Nông vốn nổi lên ở núi Liệt Sơn, cho nên Tả thị gọi là con của Liệt Sơn thị gọi là Trụ, cũng gọi là Lệ Sơn thị có thiên hạ vậy.”

Sử gia Trung Quốc Mộng văn Thông trong tác phẩm “Cổ sử Nhân Vi” cho rằng “Viêm Tộc theo triền sông Dương Tử tràn xuống 7 tỉnh lưu vực Dương Tử Giang là Tứ Xuyên, Hồ Bắc, Hồ Nam, Giang Tây, Giang Tô, An Huy, Triết Giang. Sau đó, họ tiến sang bình nguyên Hoa Bắc, cư trú ở lưu vực sông Hoàng Hà gồm 6 tỉnh Hà Nam, Hà Bắc, Sơn Tây, Sơn Đông, Thiểm Tây, Cam Túc. Theo thời gian, họ vượt qua 5 dãy núi của rặng Ngũ Lĩnh tiến về 5 tỉnh vùng lưu vực sông Việt Giang là Vân Nam, Quý Châu, Quảng Tây, Quảng Đông và Phúc Kiến”.

Kinh đô ban đầu đặt tại đất Trần, sau dời tới Khúc Phụ. Hậu duệ của ông truyền được 8 đời kéo dài 520 năm cho đến khi Hiên Viên Hoàng Đế nổi lên, ngoài ra Thần Nông còn có người con gái tên là Tinh Vệ. Tư Mã Trinh cho rằng Thần Nông là người họ Khương và viết một danh sách những người kế vị ông.

Thái Bình Ngự Lãm, phần Viêm Đế Thần Nông thị do Lí Phưởng thời Tống soạn, dẫn Đế vương thế kỉ chép: “Vua Thần Nông họ Khương. Mẹ là Nhâm Tự, là con gái của họ Hữu Kiều tên là Nữ Đăng, làm vợ của Thiệu Điển, khi đi chơi ở phía nam núi Hoa có đầu rồng thần cảm vào Nữ Đăng mà có thai sinh ra Viêm Đế, thân người đầu bò, lớn lên ở bên sông Khương, có đức thánh. Lấy hành hỏa dựa theo hành mộc, vị tại phương nam, chủ về mùa hạ, cho nên gọi là Viêm Đế, đóng đô ở đất Trần, làn cây đàn năm dây. Có cả thầy là tám đời, truyền cho Đế Thừa, Đế Lâm, Đế Minh, Đế Nghi, Đế Lai, Đế Ai, Đế Du Vong. Lại có người nói vốn nổi lên ở núi Liệt, có kẻ nói là người đời khen ngợi, còn gọi là họ Khôi Ngôi, đấy là Nông Hoàng, hoặc gọi là Đế Viêm. Bấy giờ chư hầu là họ Túc Sa làm phản không vâng mệnh, Viêm Đế bèn rút lui mà tu đức, người nước Túc Sa tự đánh vua của mình mà theo Viêm Đế, dựng đô ở đất Lỗ. Chồng đặt tám quẻ, tám nhân tám là sáu mươi tư quẻ. Làm vua một trăm hai mươi năm thì băng, táng ở Trường Sa.”

Lí Phưởng đã liệt kê 8 đời vua Thần Nông: “Có cả thầy là tám đời, truyền cho Đế Thừa, Đế Lâm, Đế Minh, Đế Nghi, Đế Lai ... như ghi chép của người Việt, thì Đế Minh là cháu đời thứ 3 của Viêm Đế Thần Nông, sau hai vị Đế tiền nhiệm, như ghi chép của người Hoa Hạ thì là Đế Thừa và Đế Lâm. Truyền thuyết người Việt cho thấy sự thừa kế từ Đế Nghi, Đế Lai, sang Đế Du, không có Đế Ai như trong ghi chép của người Hoa Hạ. Về vị Đế cuối cùng, thì tên của người Việt và người Hoa Hạ có sự tương đồng, đó là Đế Du hay Đế Du Vong.

Trong cuốn sách cổ hơn, Hoài Nam tử của Lưu An thời Hán Vũ đế từng xác định đất đai cai trị của Thần Nông “nam tới Giao Chỉ, bắc đến U Đô”, và có ghi: “Trước khi có Thần Nông thì dân chúng nông muội, đói ăn và ốm đau bệnh tật; nhưng sau đó ông đã dạy dân chúng trồng ngũ cốc mà tự ông tìm ra, rồi việc nếm các loại cây cỏ, mà mỗi ngày có thể tới 70 loại khác nhau”.

Sách Thần Nông bản thảo kinh là được diễn sớm nhất của người Trung Quốc có thể là do Thần Nông soạn ra. Thần Nông còn được tôn kính như là ông tổ của y học Trung Hoa và được xem là người đã tìm được kỹ thuật châm cứu. Sách còn ghi lại Thần Nông là người tìm ra trà. Trà, được coi như một loại thuốc giải đối với các tác động gây ngộ độc của khoảng hơn 70 loại cây cỏ.

Thần Nông cũng được nhắc tới trong Kinh Dịch. Tại đây ông được nói tới như là người trị vì sau khi kết thúc sự trị vì của nhà Bào Hy/Phục Hy, là người phát minh ra cày bằng gỗ với lưỡi cong cũng bằng gỗ, truyền các kỹ năng canh tác cho dân chúng và lập chợ ban ngày.

Triều đại Thần Nông thị có 3 thuyết: thuyết 10 đời, thuyết 17 đời (hoặc 70 đời) và thuyết 9 đời.

Lã thị xuân thu do Lã Bất Vi biên soạn có nói “Thần Nông 17 đời có thiên hạ, cùng thiên hạ hòa đồng”. Danh sách 17 đời không được liệt kê ra, và lại, có khi còn được trích dẫn thành 70 đời.

Thuyết 10 đời là từ Sơn hải kinh: “Vợ của Viêm Đế là con của Xích Thủy, tên là Thính Yếu, sinh Viêm Cư; Viêm Cư sinh Tiết Tịnh; Tiết Tịnh sinh Hí Khí; Hí Khí sinh Chúc Dung; Chúc Dung xuống sống ở Giang Thủy, sinh Cộng Công; Cộng Công sinh Thuật Khí; Thuật Khí sinh Phương Diên...; Phương Diên sinh Hậu Thổ; Hậu Thổ sinh Ế Minh”.

Thuyết 9 đời xuất hiện từ Xuân Thu mệnh lịch tự - một sách sấm vĩ thời Hán, trong đó nói Viêm Đế “truyền tám đời, cộng 520 năm”. Danh sách 9 đời Thần Nông đã xuất hiện chỉ ít là từ Sử ký sách ẩn của Tư Mã Trinh thời Đường. Nhưng phả hệ dùng trong Lĩnh Nam chích quái là trùng với phả hệ do Trần Kinh (sống vào cuối Nguyên đầu Minh) chép trong Thông giám tục biên. Trần Kinh chết không lâu sau Dương Hiến (? - 1370). Lĩnh Nam chích

quái vì vậy khó có thể được biên soạn trước nửa cuối thế kỷ XIV, vì còn phải trừ thời gian để sách của Kinh truyền đến nước ta.

Theo Đế vương thế kỷ và Sử Ký -Bổ Tam Hoàng bản kỷ thì Thần Nông thị có 9 đời: Viêm Đế sinh Đế Lâm Khôi (đế Đồi); đế Đồi sinh Đế Thừa; Đế Thừa sinh Đế Minh ; Đế Minh sinh Đế Trục ; Đế Trục sinh Đế Ly (Đế Nghi) sách Thông Giám Ngoại Kỷ nói là con Đế Minh mà không có đời Đế Trục); Đế Ly sinh Đế Ai (đế Lai); Đế Ai sinh Đế Khắc; đế Khắc sinh Đế Du Vồng.

Trần Kinh viết trong Thông giám tục biên :Viêm Đế Thần Nông thị... ở ngôi 140 năm, chôn ở Trường Sa... Thần Nông thị lấy con gái Mãng Thủy thị tên là Thính Bạt, sinh Lâm Khôi, nối ngôi làm Viêm Đế, ở ngôi 80 năm”.

Tiếp theo đó “Lâm Khôi sinh Đế Thừa, ở ngôi 60 năm. Thừa sinh Đế Minh, ở ngôi 49 năm. Minh sinh Đế Nghi, lại gọi là Đế Trục, ở ngôi 45 năm. Nghi sinh Đế Lai, cũng gọi là Đế Khắc, ở ngôi 48 năm. Lai sinh Đế Lí, còn gọi là Đế Cư, ở ngôi 43 năm. Cư sinh Tiết Hành. Tiết Hành sinh Khắc và Hí, đều không ở ngôi đế. Khắc sinh Đế Du Vồng. Du Vồng sống ở Không Tang, chính sự thúc bách rất gấp,... vì thế chư hầu hai lòng. Bề tôi là Xi Vưu làm loạn. Đế lánh ra ở Trác Lộc. Hữu Hùng quốc quân là Công Tôn Hiên Viên thánh đức cao vời. Chư hầu theo về. Năm thứ 55 thời đế [Du Vồng], chư hầu tôn Hiên Viên làm thiên tử, giáng phong Đế ở đất Lộ. Thần Nông thị bèn mất”.

Chỉ bắt đầu từ Trần Kinh ta mới thấy cách gọi Đế Nghi (sách thường còn gọi là Đế Trục), Đế Lai (thường gọi là Đế Li). Nghi và Trục rất gần nhau về tự dạng, Lai và Li âm đọc tương tự nhau. Do đó, có thể kết luận rằng tác giả Lĩnh Nam chích quái đã rút phá hệ này từ sách của Trần Kinh.

Thần Nông được xem là thủy tổ của người Việt. Nhưng Thần Nông xuất xứ từ đâu và cai quản dân tộc nào? Vì theo truyền thuyết thì thời Viêm Đế Thần Nông được biết đến vào khoảng 3220 -3080 TCN.

Ngày nay, các nghiên cứu khảo cổ, di truyền đã cho biết là người Hiện đại Homo sapiens xuất hiện ở châu Phi 195.000 năm trước và có mặt ở Việt Nam, họ đã định cư và sinh sống tại miền Bắc Việt và Đông Nam Á, với nhiều di tích tìm được tại các thời văn hóa Sơn Vi và Hòa Bình. Văn hóa Hòa Bình với kỹ thuật rìu đá nổi tiếng lan toả khắp vùng Đông Nam Á.

40.000 năm trước nay người Australoid gọi là Indonesien (Lạc Việt) phát triển qua các giai đoạn đồ đá, thời băng hà khoảng 33.000 – 20.000 năm trước, đi lên chinh phục Hoa lục. Sau khi chiếm Hoa lục, một nhóm người này đi về phía Tây, qua Trung Á tới châu Âu, hợp chủng với tộc khác thành người châu Âu. Khoảng 30.000 năm trước, từ Siberie, người Việt vượt eo biển Bering sang chinh phục châu Mỹ. Khoảng 40.000 năm trước, những nhóm người Mongoloid cư trú biệt lập ở phía Tây Bắc Việt Nam đi lên Tây Bắc Trung Quốc và đất Mông Cổ. Do giữ được nguồn gen nguyên chủng, sau này họ trở thành người Mongoloid phương Bắc.

Do khí hậu thay đổi, đến khoảng hơn 12000 năm trước, do biển tiến, vùng đồng bằng lớn tại vịnh Bắc Bộ dần dần chìm xuống biển, khiến tộc Việt đã phải di cư lên phía Bắc để sinh sống đi lên Hoa lục. Xương người tìm được ở hang Điền Nguyên Chu Khẩu Điểm, là tổ của người Trung Quốc là kết quả của cuộc di cư này. J.Y. Chu với dẫn chứng về di truyền học mang tên “Genetic Relationships of Population in China” ở Mỹ, đã cho biết rằng, nguồn gốc của người Trung Hoa và người Đông Á (Nhật, Triều Tiên, Trung Hoa) là do giống người từ Đông-Nam-Á đi lên.

Trog suốt thời đồ Đá, không có người Mongoloid ở vùng Đông Nam Á. Trong khi đó, người Mongoloid phương Nam xuất hiện tại văn hóa Ngưỡng Thiều và Hà Mẫu Độ từ khoảng 7000 năm trước, họ chỉ có thể từ hai nơi di cư này xuống đất Việt, người Lạc Việt

tiếp xúc với người Mông Cổ du mục ở bờ Bắc, dẫn tới hòa huyết sinh ra chủng người Việt mới mang mã di truyền Mongoloid phương Nam. Dân số người Mongoloid phương Nam tăng lên, họ trở thành chủ nhân văn hóa Ngưỡng Thiều rồi cả lưu vực Hoàng Hà. Đây là nguồn gốc của sự thành hình của các tộc Việt tại vùng Đông Á. Các cư dân cổ này đã phát triển nông nghiệp ở vùng Động Đình Dương Tử, là nơi có điều kiện thuận lợi nhất cho sự phát triển của nông nghiệp lúa nước. Vùng hạ lưu Dương Tử là nơi có dấu tích của nông nghiệp sớm nhất thế giới vào khoảng 12000 năm, phù hợp với lúc di cư của người cổ Đông Nam Á.

Nghiên cứu di truyền mới đây của nhóm Chao Ning năm 2020 cũng đã tìm thấy dòng di cư từ vùng Động Đình, Dương Tử lên vùng Bắc Đông Á trong khoảng hơn 7000 năm trước. Cư dân tiền Việt tại vùng Bắc Đông Á sau đó đã di cư về vùng Động Đình, Dương Tử để hình thành tộc Việt vào khoảng 5300 năm trước, xây dựng nên văn hóa Lương Chử và sau đó là Thạch Gia Hà.

Tới hơn 4000 năm trước, thì tại vùng Động Đình, Dương Tử đã xảy ra nạn hạn hán, khiến cư dân tộc Việt phải di cư về Lĩnh Nam và Việt Nam cũng như Đông Nam Á, trong đó nhóm chính đã trở về Việt Nam. Các nghiên cứu di truyền cũng đã chứng minh dòng di cư này của tộc Việt.

Vào khoảng 10000 năm trước thì các bộ lạc bắt đầu định cư và trồng trọt. Thời kỳ này xuất hiện truyền thuyết Phục Hi, Thần Nông và Nữ Oa. Phục Hi tượng trưng cho thời chăn nuôi và Thần Nông tượng trưng cho thời trồng trọt. Nhưng mà các học giả Trung Hoa coi Phục Hi, Thần Nông và Nữ Oa là nhân vật phương Nam, không thuộc vùng Trung Nguyên, và theo Mạnh Tử thì Thần Nông là người “ngoại lai”, tức là người không thuộc vùng Trung Nguyên. Theo “chủ thuyết Trung Nguyên” của các học giả Trung Hoa cho rằng chỉ có dân tộc thuần Trung Hoa phát xuất từ vùng Trung Nguyên, còn các sắc dân khác nằm ngoài vùng Trung Nguyên thì bị xem là bán khai, phải nhờ văn minh của Trung Nguyên mới khai hóa được.

Theo truyền thuyết và huyền sử thì vị thủy tổ của người Việt là Viêm Đế Thần Nông là tổ họ Hồng Bàng, cai trị cả hai vùng Bắc và Nam Đông Á, cũng là hai vùng đất mà người cổ có nguồn gốc Đông Nam Á di cư tới và định cư theo các nghiên cứu di truyền. Hai nhóm này chung sống đã có ý thức thống nhất. Nghiên cứu di truyền cũng đã tìm ra một dòng di cư lên Bắc Đông Á của người Động Đình, Dương Tử trong giai đoạn tiền Thần Nông.

Địa giới ngăn cách vùng Bắc Nam Đông Á với nhau là dãy núi Tần Lĩnh và sông Hoài, đây cũng là ranh giới phân chia Bắc và Nam Đông Á từ cổ đại cho tới hiện đại, các văn hóa của tộc Việt ở vùng Nam Đông Á cũng lan tỏa tới phía Nam dãy Tần Lĩnh, chứ không chỉ ở vùng phía Nam Dương Tử. Hậu duệ của Viêm Đế Thần Nông là Đế Minh, cũng cai quản cả hai vùng đất này. Đế Minh sinh ra Đế Nghi, đến Ngũ Lĩnh gặp Vụ Tiên, rồi sinh ra Lộc Tục. Đế Minh muốn truyền ngôi cho Lộc Tục, nhưng Lộc Tục cố nhường cho Đế Nghi, nên vua đã chia đất nước thành hai phần, phần phía Bắc chia cho Đế Nghi, còn phần phía Nam chia cho Lộc Tục. Lộc Tục đặt quốc hiệu là Xích Quỷ.

Thần Nông dạy cho dân trồng lúa, thời bấy giờ cho nên dân của Thần Nông gọi là “người trồng lúa”, chứ không phải là dân Hoa hạ hay dân Việt. Như vậy dân của Thần Nông là được gọi là dân Miêu tức là người trồng lúa. Chữ Miêu viết theo chữ Tào 苗 là chiết tự của bộ Thảo là cỏ (vì lúa giống như cỏ) và bộ Điền (ruộng). Dân Miêu là người đem lúa trồng trong ruộng.

Khi khai quật tại Thành Đầu Sơn và Hà Mã Độ, các nhà khảo cổ Trung Hoa đã tìm được một số lượng gạo rất lớn tại hai nơi này. Điều này cho thấy vùng sông Dương Tử, mà

trung tâm chính là hồ động đình rất trù phú, giàu có. Hình ảnh lúa gạo được chụp lại trong thời gian khai quật của hai địa điểm trên là bằng chứng có thật.

Lúa đại tự mọc tự nhiên vì khí hậu trở nên ấm áp vào cuối thời Pleistocene sau thời băng hà cuối cùng, sau thời đó tuyết tan tạo ra nước rất nhiều tụ thành hồ lớn hồ nhỏ khắp nơi tại miền nam Trung Hoa. Vì vậy mà lúa đại xuất hiện đầu tiên tại miền nam Trung Hoa, sau đó chuyển qua lúa đại được trồng, từ đó truyền thuyết về Thần Nông ra đời để giải thích về hiện tượng xảy ra vấn đề trồng lúa dẫn đến định cư. Dân trồng lúa đại đó là dân Miêu. Vùng đất chính của dân Miêu là vùng hồ Động Đình và vùng ven bờ biển phía đông của Trung Hoa. Sau đó dân Miêu tự tách ra làm hai vì lý do dân Miêu ở dọc bờ biển phía đông có tài bắn cung tên rất chính xác nên họ tự chuyển đổi xưng họ là Di. Ban đầu người cổ gọi người phía nam là Miêu Di, nhưng vì chữ Miêu đồng âm với chữ Man, nên sử gia Trung Hoa đổi tên cho gọi là Man Di. Dù là người Di hay người Miêu thì tất cả đều là dân của Hùng Vương, vì cả miền nam Trung Hoa là do Lộc Tục cai trị, sau đó truyền cho Lạc Long Quân rồi đến các đời Hùng Vương. Khoảng năm 2698 TCN, do thua trận Trác Lộc, người Việt của Lạc Long Quân chạy xuống Việt Nam, lai giống với người Việt tại chỗ, sinh ra người văn hóa Phùng Nguyên thành tổ tiên của ta.

Theo Kim Định trong Việt lý tổ nguyên thì Viêm tộc cũng gọi là Miêu tộc, và Việt tộc. Con người xuất hiện vào lối 500.000 năm trước đây rồi lần lượt bị tiêu diệt qua bốn đợt băng tuyết, những người còn sống sót kéo nhau lên các miền núi cao nguyên sống trong hang hốc. Sang đến Tân thạch (holocene, lối hơn 10000 năm trước đây) sau khi làn băng giá thứ tư tan rã, khí hậu trở nên ấm áp, loài người lục tục dời bỏ những hang động trong dãy Thiên Sơn (Tây Bắc Tibet và Tây Tân Cương) để thiên di xuống các vùng bình nguyên. Trong những người tiến về phía Đông làm thủy tổ giống da vàng có hai chi gọi là Bắc tam hệ và Nam tam hệ.

Nam tam hệ gồm có ba tộc là Miêu, Hoa, Tạng. Theo Mộng Văn Thông (Sử gia Trung Hoa) trong quyển “Cổ sử nhân vi” ba phái này nguyên tên là Viêm, Hoàng, Tần. Về sau Hoàng tộc tự xưng là Hoa tộc rồi đổi thành Hán tộc. Viêm tộc cũng gọi là Miêu tộc, và Việt tộc. Ông cũng cho rằng Thần Nông là vua của Viêm tộc tức là Việt vì người Trung Hoa thời nhà Chu gọi chúng ta là Viêm Bang và gọi phương Nam (vùng châu thổ sông Dương Tử trở về Nam) là Viêm phương.

Thoạt kỳ thủy Viêm tộc theo dòng sông Dương tử vào khai thác vùng Trường Giang thất tỉnh tức là bảy tỉnh thuộc Dương Tử Giang là Tứ Xuyên, Hồ Bắc, Hồ Nam, Giang Tây, Giang Tô, An Huy, Chiết Giang, rồi lần lần một mặt theo bình nguyên Hoa Bắc lên khai thác vùng Hoàng Hà lục tỉnh là Hà Nam, Hà Bắc, Sơn Tây, Sơn Đông, Thiểm Tây, Cam Túc. Còn phía nam thì lan tới lưu vực thứ ba gọi là Việt giang ngũ tỉnh gồm Vân Nam, Quý Châu, Quảng Tây, Quảng Đông, Phúc Kiến. Cả năm tỉnh này từ đầu đều có người Viêm tộc cư ngụ. Theo Chu Cốc Thành trong quyển “Trung Quốc thông sử” và một số sử gia nữa thì Viêm tộc đã có mặt ở khắp nước Trung Hoa cổ đại trước khi các dòng tộc khác tràn vào, nên Viêm tộc kể là chủ đầu tiên.

Khi Viêm tộc đã định cư rồi Hoa tộc tuy theo Thiên Sơn Nam lộ như Viêm tộc nhưng còn sống đợt săn hái vùng Tân Cương, Thanh Hải, hồi đó còn là Phúc Địa vì cát chưa lần được những đất phì nhiêu, để biến thành sa mạc như ta thấy ngày nay, về sau họ theo khuỷu sông Hoàng Hà tiến vào Bắc Trung Hoa chiếm lại đất của Viêm tộc ở vùng này, và bị Si Vưu lãnh tụ Viêm tộc chống cự. Lãnh tụ Hoa tộc là Hiên Viên tập hợp lại các bộ lạc Hoa tộc để cùng với Viêm tộc ba lần đại chiến trong đó có trận Trác Lộc. Từ khi Si Vưu bị tử trận thì Hoa tộc bá chiếm 6 tỉnh lưu vực Hoàng Hà để lập quốc.

Sách “Hán quan nghi” của Ứng Thiệu đời Hán cũng phải thừa nhận một thực tế là: “Khi cổ nhân mới mở nước ở phương Bắc đã giao tiếp ngay với phương Nam để xây dựng

nền tảng cho con cháu”. Nếu giao tiếp với phương Nam chỉ thuần túy là ngoại giao thì làm sao giải nghĩa được câu “để xây dựng nền tảng cho con cháu”? Vì vậy, chúng ta phải hiểu là Ứng Thiệu muốn nói tới việc tiếp nhận văn hóa phương Nam để làm nền tảng cho văn hóa Hán sau này... Đặc biệt, gần đây nhóm Tân học gọi là “Nghị cổ phái” do Quách Mạt Nhược thành lập năm 1920 chủ trương đã bác bỏ thời Tam Hoàng, Ngũ đế.

Sự thật lịch sử này đã được hội nghị Quốc Tế về nền văn minh Trung Hoa gồm các nhà Trung Hoa học tổ chức ở Đại học Berkerley Hoa Kỳ năm 1978 xác định rằng Di Việt làm chủ Trung Nguyên trước tiên, sau đó bị Thương Chu đánh đuổi chạy xuống phương Nam. Sử Ký của Tư Mã Thiên chép rằng Hoàng Đế là người mở đầu lịch sử Trung Quốc nhưng sự thật đã xác nhận rằng lịch sử Trung Quốc chỉ mới bắt đầu từ triều Thương (1766-1154 TCN) và các triều Thương Chu của Hán tộc lại chịu ảnh hưởng sâu đậm của văn hoá Di Việt.

Sử gia của Trung Quốc Trương Quang Trực (Chang Kwang Chih), đã phải thừa nhận một sự thực lịch sử là tuy Trung Quốc là một quốc gia lớn với một nền văn hoá lớn nhưng nó đã phải thâm nhập tinh hoa của nhiều nền văn hoá hoá hợp lại: “Những nền văn hoá địa phương thời tiền sử, sau khi thống nhất đã trở thành một bộ phận của văn hoá Trung Quốc. Nguồn gốc thực sự của Hoa Hán chỉ là phần nhỏ nhưng sau khi triều Tần thống nhất thì dân tộc cả nước thống nhất ấy là dân tộc Trung Hoa”. Sử gia Trung Quốc Hoàng văn Nội đã thừa nhận là quá nửa dân số Trung Quốc ngày nay là người gốc Viêm tộc (Viêm Việt) bị Hán tộc thống trị đồng hoá thành người Hán. Mới đây thực tế này được chính nhà khảo cổ Yong Qang Yao và các đồng nghiệp tại Hàn Lâm viện Trung Quốc Kunming ở Vân Nam (Yunnan) qua các công trình nghiên cứu khảo cổ Phylogeographic Differentiation of Mitochondrial DNA in Han Chinese: “Sự thành lập dân Hán là một tiến trình liên tục bành trướng bằng cách sát nhập nhiều bộ lạc và chủng tộc vào dân Hán”.

Ở Trung quốc, Hoàng Đế và Viêm Đế đều được coi là tổ tiên của văn hóa và người Trung Hoa. Viêm Đế có miếu thờ tại Bảo Kê, Thiểm Tây.

Theo các ghi chép của Tư Mã Trinh và Lí Phưởng ở trên đã cho thấy nguồn gốc của Thần Nông là ở núi Liệt Sơn, đây là một địa điểm cách phía Bắc thành phố Tuy Châu, tỉnh Hồ Bắc 40km. Tại đây cũng là nơi có đền thờ Viêm Đế Thần Nông và rất nhiều di tích liên quan tới Thần Nông.

Di tích “Nhà cũ của Thần Nông”, có dựng hai chỗ ở động Thần Nông (một chỗ là cất giữ thóc lúa cỏ thuốc, một chỗ là nhà ở), còn có đình Thần Nông, tháp Thần Nông, miếu Thần Nông; ở phía nam núi dựng phòng trà Thần Nông, vườn hoa Thần Nông, đình Cửu Long và phía bắc núi có làm mấy chục chỗ như vườn trồng các loài cỏ, ao tắm của mẹ của Thần Nông là bà An Đẳng. Vùng núi phía tây của tỉnh Hồ Bắc cũng có một chỗ gọi là “giá Thần Nông”, cũng có quan hệ với Thần Nông thị, vì theo truyền thuyết Thần Nông thị từng từng đến chỗ ấy đặt giá làm thuốc.

Trên núi Liệt Sơn, trong động Thần Nông vốn có bàn đá, ghế đá, bát đá và giường đá, theo truyền thuyết là đồ vật mà Thần Nông dùng. Núi Liệt Sơn còn có kiến trúc cổ như giếng Thần Nông, nhà Thần Nông, gác Thần Nông. Phía bắc thị trấn Lệ Sơn có một tấm bia “Viêm Đế Thần Nông thị”, còn giữ được đến ngày nay.

Như vậy thì các tư liệu lịch sử và các di tích đều đồng ý về nguồn gốc của Viêm Đế Thần Nông là ở vùng trung lưu Dương Tử, có nguồn gốc từ phương Nam, cai quản cả hai vùng bắc Đông Á và nam Đông Á.

Hiện vẫn còn nhiều dân tộc có nguồn gốc tộc Việt vẫn giữ gìn tục thờ cúng Thần Nông và các phong tục cổ liên quan tới Thần Nông.

Thời quân chủ Việt Nam xưa, hàng năm đều có tục tế và rước Thần Nông tại triều đình cũng như ở các địa phương. Lễ Thần Nông tức là lễ tế vua Thần Nông để cầu mong

được mùa và nghề nông phát đạt. Trên các quyển lịch cổ hàng năm, người ta thường vẽ một mục đồng dắt một con trâu. Mục đồng tức là vua Thần Nông, còn con trâu tượng trưng cho nghề nông.

Lễ tế Thần Nông hàng năm cử hành vào ngày Lập xuân, bởi vậy nên lễ tế Thần Nông còn được gọi là Tế xuân. Theo chỉ dụ của Minh Mạng, hàng năm sau tiết Đông chí, tòa Khâm thiên giám phải lo sửa soạn việc tế Thần Nông. Các quan cùng nhau họp để nặn trâu và tượng Thần Nông.

Ngày nay, các kết quả nghiên cứu của khoa học khảo cổ, di truyền, sinh học, nhân chủng, ngôn ngữ... đã cho thấy các truyền thuyết, thần thoại của người Việt phù hợp với các dòng di cư của người tiền sử gốc Phi châu đã tiến hóa thành các tộc Đông Á rồi Lạc Việt. Sau khi định cư ở vùng đất rộng lớn của Trung nguyên và phát triển văn minh nông nghiệp, thì họ đã có ý niệm tạo thành quốc gia và có thủ lãnh là Viêm Đế Thần Nông theo phụ hệ. Như vậy, các tài liệu đã cho thấy Viêm Đế Thần Nông có nguồn gốc từ phương Nam, cụ thể là từ tỉnh Hồ Bắc, hiện nay vẫn còn nhiều di tích liên quan tới Viêm Đế Thần Nông trong vùng đất này. Viêm Đế Thần Nông làm chủ hai vùng bắc và nam Đông Á, tức vùng Dương Tử và Hoàng Hà.

Hoàng Đế là tổ tiên trực tiếp của người Hoa Hạ, có nguồn gốc từ người Khương trong vùng Cam Túc, Thanh Hải xâm chiếm lãnh thổ của Viêm tộc là dân nông nghiệp và họ nhận Viêm Đế làm Tổ của mình, có thể là để thống nhất hai nhóm dân cư có nguồn gốc khác nhau để hình thành nên tộc người Hoa Hạ.

Thần Nông là vua của người Việt với văn hóa lúa nước có từ lâu, người Hoa Hạ chỉ mạo nhận là của mình qua sự xâm chiếm các bộ lạc, học hỏi văn hóa lúa nước, từ bỏ lối sống du mục. Dân tộc Hán ở phương Bắc trước đây sống chủ yếu bằng chăn nuôi du mục, sau khi học được nghề trồng trọt của dân Bách Việt mới định cư ở Trường Giang và Hoàng Hà.

Thần Nông và tam hoàng là những nhân vật huyền thoại, nhưng sự xuất hiện của họ có nhiều ý nghĩa trong lịch sử tiến hóa của loài người. Theo khoa học ngày nay thì tam hoàng thuộc về thời đá mới và loài người đã sống thành bộ lạc thị tộc: thời Toại nhân đã biết dùng lửa, thời Thần Nông thì đã đạt đến trình độ nông nghiệp và Hoàng Đế thì đã biết dùng xe cộ (Hiên Viên).

Việc tìm hiểu về thời đại Thần Nông gặp nhiều khó khăn vì không có nhiều sử liệu. Triều chính tổ chức ra sao vì Thần Nông và hậu duệ đều có tước vị là Đế, Đế Minh đã *sai quần thần là bọn Xi Vưu thay mình trông coi việc nước để đi tuần về phương nam*. Kinh đô đặt ở đâu?... Các khoa học ngày nay đã góp phần giải thích một vài khía cạnh của huyền thoại xong việc nghiên cứu còn dài.

Nguyễn Hoạt tổng hợp
2024